

**SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 320/BVĐKT-TCKT

Hòa Bình, ngày 04 tháng 5 năm 2021

V/v kê khai giá các gói dịch vụ Hồ
tự người bệnh theo yêu cầu

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hòa Bình

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Căn cứ điểm 4, điều 14, Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích triển khai kinh doanh các dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc Ban hành quy định nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Công văn số 431/SYT-KHTC ngày 14/3/2019 của Sở Y tế tỉnh Hòa Bình về việc triển khai Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-BVĐKT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá các gói dịch vụ Hồ tự người bệnh theo yêu cầu;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình kính gửi Bảng kê khai mức giá các gói dịch vụ Hồ tự người bệnh theo yêu cầu (chi tiết tại bảng kê khai mức giá và Bảng xây dựng hình thành mức giá đính kèm).

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, cho ý kiến để Bệnh viện có căn cứ thực hiện.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 11 tháng 5 năm 2021.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (BC);
- KHTH; ĐD; CNTT
- Lưu: VT. *my*



Nguyễn Hoàng Diệu

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Bùi Thị My
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Tổ 10, Phường Đồng Tiến, Tp. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
- Số điện thoại liên lạc: 0964 915 302
- Email: mybuihb@gmail.com
- Số fax:

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)



BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04/ tháng 5 năm 2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình về việc kê khai giá các gói dịch vụ Hỗ trợ chăm sóc người bệnh)

1/ Mức giá kê khai:

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng g	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm	Ghi chú
1	Gói hỗ trợ người bệnh PT u xơ tử cung TYC		Gói		42.000			
2	Gói hỗ trợ người bệnh nạo hút thai TYC		Gói		37.000			
3	Gói hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh TYC (Tắm đệm lót x 03 miếng)		Gói		28.000			
4	Gói hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh TYC (Tắm đệm lót + tã dán)		Gói		217.000			
5	Gói hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh TYC (Tã dán x 10 miếng)		Gói		179.000			
6	Gói hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh TYC (Tắm đệm lót x 05 miếng)		Gói		43.000			
7	Gói hỗ trợ an toàn người bệnh		Gói		10.000			
8	Gói hỗ trợ người bệnh trước mổ ngoại Tiết niệu TYC		Gói		28.000			
9	Gói hỗ trợ bệnh nhân sơ sinh TYC số 1 (Tổng hợp có sữa tắm)		Gói		376.000			
10	Gói hỗ trợ bệnh nhân sơ sinh TYC số 2 (Tổng hợp không có sữa tắm)		Gói		267.000			
11	Gói hỗ trợ bệnh nhân sơ sinh TYC số 3 (Sữa tắm)		Gói		113.000			
12	Gói hỗ trợ người bệnh trước mổ sọ não TYC		Gói		60.000			
13	Gói hỗ trợ người bệnh sau mổ sọ não TYC		Gói		152.000			
14	Gói hỗ trợ người bệnh sau phẫu thuật TYC KT 5,3x7 (3 miếng)		Gói		28.000			
15	Gói hỗ trợ người bệnh sau phẫu thuật TYC KT 20x9 (3 miếng)		Gói		70.000			
16	Gói hỗ trợ người bệnh sau phẫu thuật TYC KT 20x9 (5 miếng)		Gói		112.000			
17	Gói hỗ trợ người bệnh cố định cathete trung tâm TYC		Gói		46.000			
18	Gói hỗ trợ người bệnh cố định kim luồn TYC		Gói		15.000			
19	Gói hỗ trợ người bệnh có đặt sonde dẫn lưu TYC (200ml x 14Fr)		Gói		322.000			



20	Gói hỗ trợ người bệnh có đặt sonde dẫn lưu TYC (400ml x 14Fr)		Gói	388.000		
21	Gói hỗ trợ người bệnh vào viện TYC (Tổng hợp)		Gói	57.000		
22	Gói hỗ trợ vệ sinh cá nhân người bệnh TYC (Giấy vệ sinh + giấy ăn)		Gói	35.000		
23	Gói hỗ trợ vệ sinh cá nhân người bệnh TYC (Giấy vệ sinh)		Gói	20.000		
24	Gói hỗ trợ người bệnh tổn thương da TYC		Gói	203.000		

Đv

2/ Phân tích nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm giá kê khai của từng mặt hàng.

.....

.....

.....

3/ Chính sách và mức khuyến mại, giảm giá:

.....

.....

.....

.....



SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 01

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ người bệnh PTU xơ tử cung TYC

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị	Số	Đơn giá	BV hạng I,	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Tắm đệm lót	Miếng	3	5.125	15.375	
2	Băng vệ sinh	Miếng	2	2.167	4.334	
3	Vòng tay	Cái	1	5.000	5.000	
4	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức					
IV	Chi phí quản lý					
V	Chi phí tích lũy					
VI	Thuế TNDN					
	Tổng cộng (A+B)				41.649	
	Giá kê khai				42.000	

lyr



Phụ lục số 02

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ người bệnh nạo hút thai TYC

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04/tháng 5 năm 2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị	Số	Đơn giá	BV hạng I,	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Tắm đệm lót	Miếng	2	5.125	10.250	
2	Băng vệ sinh	Miếng	3	2.167	6.501	
3	Vòng tay	Cái	1	5.000	5.000	
4	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	3.700	
IV	Chi phí quản lý			10%	3.700	
V	Chi phí tích lũy			10%	3.700	
VI	Thuế TNDN			2%	740	
Tổng cộng (A+B)					37.091	
Giá kê khai					37.000	

lyv

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 03

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh TYC (Tắm đệm lót x 03 Miếng)

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị	Số	Đơn giá	BV hạng I,	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Tắm đệm lót	Miếng	3	5.125	15.375	
2	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức					
				10%	2.800	
IV	Chi phí quản lý					
				10%	2.800	
V	Chi phí tích lũy					
				10%	2.800	
VI	Thuế TNDN					
				2%	560	
Tổng cộng (A+B)					27.835	
Giá kê khai					28.000	

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 04

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh TYC (Tắm đệm lót + tã dán)

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị	Số	Đơn giá	BV hạng I,	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Tã dán người lớn	Miếng	10	11.805	118.050	
2	Tắm đệm lót	Miếng	5	5.125	25.625	
3	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	21.700	
IV	Chi phí quản lý			10%	21.700	
V	Chi phí tích lũy			10%	21.700	
VI	Thuế TNDN			2%	4.340	
Tổng cộng (A+B)					216.615	
Giá kê khai					217.000	

ly

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 05

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh TYC (Tã dán x 10 miếng)

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

DVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị tính, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Tã dán người lớn	Miếng	10	11.805	118.050	
2	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	17.900	
IV	Chi phí quản lý			10%	17.900	
V	Chi phí tích lũy			10%	17.900	
VI	Thuế TNDN			2%	3.580	
Tổng cộng (A+B)					178.830	
Giá kê khai					179.000	

Đã ký

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 06

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh TYC (Tắm đệm lót x 05 miếng)

Kèm theo Công văn số 320 /BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị	Số	Đơn giá	BV hạng I,	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Tắm đệm lót	Miếng	5	5.125	25.625	
2	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	4.300	
IV	Chi phí quản lý			10%	4.300	
V	Chi phí tích lũy			10%	4.300	
VI	Thuế TNDN			2%	860	
Tổng cộng (A+B)					42.885	
Giá kê khai					43.000	

[Signature]

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 07

XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ an toàn người bệnh

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng					
Số	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị	Số	Đơn giá	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày				
1	Vòng tay	Cái	1	5.000	
2	Túi đóng gói	Cái	1	500	
II	Chi phí gián tiếp				
1	Văn phòng phẩm		1	1.300	
III	Lợi nhuận định mức			10%	
IV	Chi phí quản lý			10%	
V	Chi phí tích lũy			10%	
VI	Thuế TNDN			2%	
Tổng cộng (A+B)				10.000	
Giá kê khai				10.000	

ĐVT

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 08

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ người bệnh trước mổ ngoại TN TYC

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị	Số	Đơn giá	BV hạng I,	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Vòng tay	Cái	1	5.000	5.000	
2	Tắm đệm lót	Miếng	2	5.125	10.250	
3	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức					
IV	Chi phí quản lý					
V	Chi phí tích lũy					
VI	Thuế TNDN					
Tổng cộng (A+B)					27.710	
Giá kê khai					28.000	

[Signature]

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 09

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ bệnh nhân sơ sinh TYC số 1 (tổng hợp có sữa tắm)

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

BV.Đ.Đ.Đ.

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Tã dán trẻ sơ sinh (40 miếng)	Gói	1	128000	128.000	
2	Giấy ướt (90 tờ)	Gói	1	25.000	25.000	
3	Sữa tắm Lactacys 250ml	chai	1	74.000	74.000	
4	Khăn giấy khô đa năng 250g	Gói	1	25.000	25.000	
5	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức				10%	37.600
IV	Chi phí quản lý				10%	37.600
V	Chi phí tích lũy				10%	37.600
VI	Thuế TNDN				2%	7.520
Tổng cộng (A+B)					375.820	
Giá kê khai					376.000	

ly

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 10

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ bệnh nhân sơ sinh TYC số 2 (Tổng hợp không có sữa tắm)

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Tã dán trẻ sơ sinh (40 miếng)	Gói	1	128.000	128.000	
2	Giấy ướt (90 tờ)	Gói	1	25.000	25.000	
3	Khăn giấy khô đa năng 250g	Gói	1	25.000	25.000	
4	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	26.700	
IV	Chi phí quản lý			10%	26.700	
V	Chi phí tích lũy			10%	26.700	
VI	Thuế TNDN			2%	5.340	
Tổng cộng (A+B)					266.940	
Giá kê khai					267.000	

Handwritten signature

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 11

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ bệnh nhân sơ sinh TYC số 3 (Sữa tắm)

Kèm theo Công văn số 320 /BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Sữa tắm Lactacys baby 250ml	chai	1	74.000	74.000	
2	Túi đóng gói	Cái	1	1.000	1.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	11.300	
IV	Chi phí quản lý			10%	11.300	
V	Chi phí tích lũy			10%	11.300	
VI	Thuế TNDN			2%	2.260	
	Tổng cộng (A+B)				112.660	
	Giá kê khai				113.000	

ky

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 12

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ người bệnh trước mổ sọ não TYC

Kèm theo Công văn số 390/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Dao lam	Cái	2	1.500	3.000	
2	Bàn cạo	Cái	1	15.000	15.000	
3	Tấm lót nilong	Cái	1	2.000	2.000	
4	Khăn rửa mặt	Cái	1	15.000	15.000	
5	Dầu gội	Gói	2	1.000	2.000	
6	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	6.000	
IV	Chi phí quản lý			10%	6.000	
V	Chi phí tích lũy			10%	6.000	
VI	Thuế TNDN			2%	1.200	
Tổng cộng (A+B)					59.700	
Giá kê khai					60.000	

Signature



Phụ lục số 13

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ người bệnh sau mổ sọ não TYC

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

DVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Tắm đệm lót	Miếng	3	5.125	15.375	
2	Băng chun	Cái	3	28.000	84.000	
3	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	15.200	
IV	Chi phí quản lý			10%	15.200	
V	Chi phí tích lũy			10%	15.200	
VI	Thuế TNDN			2%	3.040	
Tổng cộng (A+B)					151.515	
Giá kê khai					152.000	

Signature

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 14

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ
GIÁ GỒP HỖ TRỢ NGƯỜI BỆNH SAU PHẪU THUẬT THEO YÊU CẦU KT 5,3x7 (3 miếng)

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04/ tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Miếng dán vết thương sau mổ kt 5,3x7	Miếng	3	5.500	16.500	
2	Túi đóng gói	Cái	1	1.000	1.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức				10%	2.800
IV	Chi phí quản lý				10%	2.800
V	Chi phí tích lũy				10%	2.800
VI	Thuế TNDN				2%	560
Tổng cộng (A+B)					27.960	
Giá kê khai					28.000	

Ag

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 15

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ
GIÁ GÓI HỖ TRỢ NGƯỜI BỆNH SAU PHẪU THUẬT THEO YÊU CẦU KT 20x9 (3 miếng)
Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

DVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Miếng dán vết thương sau mổ kt 20x9	Miếng	3	14.500	43.500	
2	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	7.000	
IV	Chi phí quản lý			10%	7.000	
V	Chi phí tích lũy			10%	7.000	
VI	Thuế TNDN			2%	1.400	
Tổng cộng (A+B)					69.400	
Giá kê khai					70.000	

Signature

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 16

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ
GIÁ GÓI HỖ TRỢ NGƯỜI BỆNH SAU PHẪU THUẬT THEO YÊU CẦU KT 20x9 (5 miếng)
Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Miếng dán vết thương sau phẫu thuật kt 20x9	Miếng	5	14.500	72.500	
2	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	11.200	
IV	Chi phí quản lý			10%	11.200	
V	Chi phí tích lũy			10%	11.200	
VI	Thuế TNDN			2%	2.240	
Tổng cộng (A+B)					111.840	
Giá kê khai					112.000	

Ague

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 17

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ người bệnh đặt cố định cathete trung tâm TYC

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Miếng dán cố định Cathete	Cái	2	14.500	29.000	
2	Túi đóng gói	Cái	1	500	500	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	4.600	
IV	Chi phí quản lý			10%	4.600	
V	Chi phí tích lũy			10%	4.600	
VI	Thuế TNDN			2%	920	
Tổng cộng (A+B)					45.720	
Giá kê khai					46.000	

Signature

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 18

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ người bệnh cố định kim luồn TYC

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04/ tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

DVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Miếng dán cố định kim luồn	Cái	2	4.000	8.000	
2	Túi đóng gói	Cái	1	500	500	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	1.500	
IV	Chi phí quản lý			10%	1.500	
V	Chi phí tích lũy			10%	1.500	
VI	Thuế TNDN			2%	300	
Tổng cộng (A+B)					14.800	
Giá kê khai					15.000	

Agm

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 19

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ người bệnh có đặt sonde dẫn lưu TYC (200ml x 14Fr)

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Quả dẫn lưu áp lực âm loại 200ml x 14Fr	Quả	1	215.000	215.000	
2	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	32.200	
IV	Chi phí quản lý			10%	32.200	
V	Chi phí tích lũy			10%	32.200	
VI	Thuế TNDN			2%	6.440	
Tổng cộng (A+B)					321.540	
Giá kê khai					322.000	

Được



Phụ lục số 20
BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gọi hồ trợ người bệnh có đặt sonde dẫn lưu TYC (400ml x 14Fr)
Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

DVT: Đồng

Số TT	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	BV hạng I, hạng Đặc biệt	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Quả dẫn lưu áp lực âm loại 400ml x 14Fr	Quả	1	260.000	260.000	
2	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	38.800	
IV	Chi phí quản lý			10%	38.800	
V	Chi phí tích lũy			10%	38.800	
VI	Thuế TNDN			2%	7.760	
Tổng cộng (A+B)					387.660	
Giá kê khai					388.000	

lyc

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 21

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ người bệnh vào viện TYC (Tổng hợp)

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị	Số	Đơn giá	BV hạng I,	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Giấy vệ sinh	Cuộn	2	5.500	11.000	
2	Giấy ăn	Gói	1	9.000	9.000	
3	Khăn rửa mặt	Cái	1	15.000	15.000	
4	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	5.700	
IV	Chi phí quản lý			10%	5.700	
V	Chi phí tích lũy			10%	5.700	
VI	Thuế TNDN			2%	1.140	
Tổng cộng (A+B)					56.740	
Giá kê khai					57.000	

ĐVC

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 22

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ vệ sinh cá nhân người bệnh TYC (Giấy vệ sinh+ giấy ăn)
Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04 tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: Đồng

Số	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị	Số	Đơn giá	BV hạng I,	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Giấy vệ sinh	Cuộn	2	5.500	11.000	
2	Giấy ăn	Gói	1	9.000	9.000	
3	Túi đóng gói	Cái	1	2.000	2.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	3.500	
IV	Chi phí quản lý			10%	3.500	
V	Chi phí tích lũy			10%	3.500	
VI	Thuế TNDN			2%	700	
Tổng cộng (A+B)					34.700	
Giá kê khai					35.000	

ay

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 23

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ vệ sinh cá nhân người bệnh TYC (Giấy vệ sinh)

Kèm theo Công văn số 320 /BVĐKT-TCKT ngày 04/ tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

DVT: Đồng

Số	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị	Số	Đơn giá	BV hạng I,	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Giấy vệ sinh	Cuộn	2	5.500	11.000	
3	Túi đóng gói	Cái	1	1.000	1.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	2.000	
IV	Chi phí quản lý			10%	2.000	
V	Chi phí tích lũy			10%	2.000	
VI	Thuế TNDN			2%	400	
Tổng cộng (A+B)					19.900	
Giá kê khai					20.000	

ĐGV

SỞ Y TẾ HÒA BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



Phụ lục số 24

BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ

Gói hỗ trợ người bệnh tổn thương da TYC

Kèm theo Công văn số 320/BVĐKT-TCKT ngày 04/tháng 5 năm 2021
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

DVT: Đồng

Số	Chi tiết các khoản mục chi	Đơn vị	Số	Đơn giá	BV hạng I,	Ghi chú
I	Chi phí vật tư tiêu hao tính cho 01 bệnh nhân/lần/ngày					
1	Gạc đắp tổn thương da	Miếng	1	135.000	135.000	
2	Túi đóng gói	Cái	1	1.000	1.000	
II	Chi phí gián tiếp					
1	Văn phòng phẩm		1	1.500	1.500	
III	Lợi nhuận định mức			10%	20.300	
IV	Chi phí quản lý			10%	20.300	
V	Chi phí tích lũy			10%	20.300	
VI	Thuế TNDN			2%	4.060	
Tổng cộng (A+B)					202.460	
Giá kê khai					203.000	

Signature